

Số: /BVĐKNL-KD

Đông Lộc, ngày tháng năm 2025

V/v: Thông báo mời chào giá

Vật tư, hoá chất

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các công ty sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Bệnh viện đa khoa Nghi Lộc có nhu cầu tiếp nhận báo giá để làm căn cứ xây dựng giá, tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua sắm Vật tư, hoá chất xét nghiệm bổ sung năm 2025 phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh của Bệnh viện đa khoa Nghi Lộc với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa Nghi Lộc.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
 - Phòng Khoa Dược - Bệnh viện đa khoa Nghi Lộc.
 - Số điện thoại: 0238.3861.643
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Văn thư, Bệnh viện đa khoa Nghi Lộc, địa chỉ: Xóm Trung Thịnh- xã Đông Lộc- tỉnh Nghệ An.
 - Nhận qua email: dauthaubvnl@gmail.com
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 12/11/2025 đến hết 17h ngày 23/11/2025

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày 24/11/2025

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục hàng hoá: (Phụ lục 1 đính kèm);
- Địa điểm cung cấp; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế:
 - Địa điểm cung cấp: Khoa Dược - Bệnh viện đa khoa Nghi Lộc.
 - Các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, bảo quản: Hàng hóa được cung cấp đảm bảo đầy đủ số lượng, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng và đúng yêu cầu, phù hợp với kế hoạch và kết quả lựa chọn nhà thầu.

Các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, bảo quản: Hàng hóa được cung cấp đảm bảo đầy đủ số lượng, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng và đúng yêu cầu, phù hợp với kế hoạch và kết quả lựa chọn nhà thầu.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Cung cấp hàng hóa trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được dự trù của bệnh viện, đầy đủ số lượng, đảm bảo chất lượng, phù hợp với kế hoạch lựa chọn nhà thầu và thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

Loại hợp đồng: Đơn giá cố định. Giao hàng theo từng đợt tùy theo nhu cầu sử dụng của bệnh viện Thanh toán khi hoàn thành hợp đồng kể từ ngày nhận được đầy đủ chứng từ theo yêu cầu. Chứng từ thanh toán phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

5. Yêu cầu chung đối với thiết bị.

- Thiết bị sản xuất năm 2024 trở về sau.

- Chất lượng mới 100%.

6. Hồ sơ bao gồm:

- Báo giá theo mẫu Phụ lục 2 đính kèm thông báo này.

- Các hãng sản xuất, nhà cung cấp đính kèm tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan và hợp đồng cung cấp trang thiết bị chào giá (cho các đơn vị nhà nước) trong vòng 90 ngày (nếu có).

Rất mong nhận được sự quan tâm của các hãng sản xuất, nhà cung cấp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc;
- Các khoa/phòng;
- Tổ truyền thông (Website);
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Huy Phúc

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC HÀNG HOÁ CHÀO GIÁ

(Kèm công văn chào giá Số: 1120/BVĐKNL-KD ngày 11 tháng 11 năm 2025 của Bệnh viện đa khoa Nghi Lộc)

TT	MÃ HH	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kĩ thuật	Đơn vị tính	Tổng dự trù
1	V022	Cassette dùng cho máy mổ phaco	Tương thích sử dụng với máy mổ Phaco Centurion	Cái	200
2	V321	Khí CO2 (40 lít/ Bình)	CO2 Y tế dạng lỏng chứa trong bình chuyên dụng, hàm lượng CO2 $\geq 99,5\%$, không có chứa: H2S, các acid sufuro, ni tơ và các hợp chất hữu cơ, O2, CO, NH3, NO2, NO, các hợp chất hữu cơ không bay hơi, Methanol, các hydrocarbon bay hơi, các hydrocarbon	Bình	20
3	V021	Dây silicon mổ lệ quán	Chất liệu: silicone; Đường kính dây: từ 0,64 mm; Độ dài: ≥ 40 mm Đảm bảo vô khuẩn.	Cái	20
4	V002	Đinh nội tuỷ đàn hồi - Titan	Chất liệu titan tiêu. Đinh có đường kính: 1.5/2.0/2.5/3.0/3.5/4.0/4.5, dài ≥ 400 mm. Nắp đinh có 2 loại 15mm và 20mm	Cái	60
5	V004	Khớp háng bán phần không xi măng chuỗi dài	Cuồng chỏm xương đùi: Vật liệu Titanium ; Chiều dài từ 175mm đến 250mm. Góc nghiêng 135° , thân xẻ rãnh dọc và ngang hình bán nguyệt, thân có 2 lỗ. Chỏm xương đùi: Vật liệu: Thép không gỉ; đường kính ≈ 28 mm Vỏ đầu chỏm: Chất liệu bằng thép không gỉ, kích thước từ 39mm đến 55mm Lót đầu chỏm: Chất liệu bằng polyetylen cao phân tử. Các cỡ.	Bộ	20
6	V017	Chất nhầy phẫu thuật có tính kết dính, độ nhớt cao	Thành phần: Sodium Hyaluronate Ophthalmic Solution 1.8%. Lọ : ≥ 1 ml	Hộp	400
7	V020	Dao phẫu thuật	Dao tạo đường rạch giác mạc trong mổ Phaco, hai mặt vát, lưỡi dao bằng thép không gỉ, cắt 2.8 - 3.2mm. Kích cỡ lưỡi dao mổ: 2,8mm-3.2mm. Đóng trong túi tiệt trùng vô khuẩn.	Cái	300
8	V058	Chỉ thép mềm đường kính các cỡ	Dài 60cm kim 1/2 kim tam giác vòng kim 120mm	Cuộn	10
9	V060	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin số 2/0	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 2/0, dài ≥ 90 cm, kim tròn 37mm 1/2C được làm từ thép không gỉ được phủ silicone.	Sợi	1.500
10	V084	Kim chích máu đo đường huyết	Kim chích máu các cỡ	Chiếc	5.000
11	V085	Kim chọc dò và gây tê tủy sống các cỡ	Kim được làm từ thép không rỉ. Cỡ 18G- 25G .	Cái	2.000
12	V091	Kim nha khoa	Cỡ kim: 27G.	Cái	4.000
13	V111	Đầu côn vàng	Đầu côn vàng dung tích 200 ul	Cai	3.000
14	V112	Đầu côn xanh	Đầu côn xanh 1000 ul	Cái	3.000
15	V114	Điện cực dán	Làm từ vật liệu PE-foam, độ bám dính cao, tương thích hầu hết với các loại cáp kết nối của máy điện tim	Cái	4.000

TT	MÃ HH	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kĩ thuật	Đơn vị tính	Tổng dự trù
16	V115	Lọ đựng mẫu có nắp	Lọ nhựa, có nắp. Có thìa lấy bệnh phẩm. Có nhãn để điền thông tin. Thể tích $\geq$ 50ml	Cái	4.000
17	V117	Mask bóp bóng	Chất liệu nhựa PVC Thể tích khoảng: Người lớn: 1500ml $\pm$ 5%; Túi chứa khoảng: + Người lớn: 2500 ml $\pm$ 5%; Dây oxy chất liệu PVC dài khoảng 2m ($\pm$ 5%). Mặt nạ chất liệu PVC, PC	Bộ	100
18	V120	Ống hút điều kinh	Các số: 4, 5, 6. Được tiệt trùng bằng khí E.O. Sản xuất bằng nhựa PVC. Ống nhựa trong, mềm dẻo. Đầu hút trơn láng không bavia.	Cái	500
19	V121	Ống lưu mẫu huyết thanh	Ống nghiệm làm bằng nhựa .Thể tích khoảng 1,5 ml. .	Cái	5.000
20	V125	Ống nội khí quản có lò xo, có bóng chèn	Ống nội khí quản được làm bằng vật liệu y tế PVC. Có bóng, có lò xo.	Cái	100
21	V127	Dây dẫn lưu cao su	Chất liệu: Cao su, Fi 6	Kg	50
22	V128	Dây dẫn lưu ổ bụng	Làm bằng cao su thiên nhiên Được đóng gói riêng biệt từng cái và được tiệt trùng	Cái	500
23	V134	Sonde nelaton các số	Ống thông tiểu 1 nhánh các số, chất liệu cao su	Cái	1.000
24	V139	Clip kẹp mạch máu chất liệu Titanium các c	Clip mạch máu titanium, cỡ trung bình - lớn	Cái	120
25	V143	Giấy điện tim 3 cần	Yêu cầu: giấy in nhiệt có kẻ ô, kích thước 63 mm x 30m	Cuộn	500
26	V149	Đầu côn có màng lọc 100microlit	Đầu côn lọc 100ul, chất liệu nhựa PP, không kim loại, không Dnase, Rnase. Thiết kế	Cái	9.600
27	V150	Ống ly tâm Eppendorf đáy nhọn có nắp bật 1.5 ml	Ống ly tâm nhỏ có vạch chia được sản xuất từ nhựa PP tinh khiết trên khuôn có độ chính xác cao. Chịu được nhiệt độ từ -80°C đến 121 °C.	Cái	4.000
28	V153	Bộ nhuộm huỳnh quang	Nhuộm mycobacteria bằng quy trình nhuộm huỳnh quang. Chai 250ml, 3 chai/ Bộ	Bộ	3
29	V155	Chai cấy máu hai pha	Chai nhựa nắp vặn chặt, mặt nắp là lớp cao su. Chai có hai phase môi trường: Phase lỏng là 40 ml BHI có SPS kháng đông, phase đặc là mặt thạch phẳng 10 ml BHI. Cấy phân lập các vi khuẩn hiếu khí (kể cả vi khuẩn khó mọc) từ bệnh phẩm máu (cấy máu). Chai	Chai	40
30	V156	Chất nhuộm azo (Methyl Red – Methyl đỏ – C15H15N3O2)	Lọ có chứa $\geq$ 2ml thuốc thử dùng kết hợp cùng với môi trường (MR-VP) để thực hiện thử nghiệm Methyl red (MR)	Lọ	60
31	V157	Chất nhuộm tế bào OG 6	Dùng trong mô bệnh học, Dung dịch hỗn hợp Papanicolaou OG6. Gồm: $\geq$ 80% - <	Chai	1
32	V158	Chất nhuộm tế bào EA- 50	Thành phần: Ethyl alcohol, Nước, Isopropyl alcohol, Methyl alcohol, Eosin-Y Dye, Phosphotungstic acid, Fast green fcf, Bismarck Brown Y Màu nhuộm bào tương sáng, có thể điều chỉnh cường độ màu	Chai	1

TT	MÃ HH	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kĩ thuật	Đơn vị tính	Tổng dự trữ
33	V160	(Xylene) Hóa chất thay thế Xylene	Hỗn hợp đặc biệt của isoparaffinic và hydrocarbon béo thay thế cho các chất làm sạch thơm phù hợp cho các ứng dụng cho mô Hỗn hợp đặc biệt của isoparaffinic và hydrocarbon béo thay thế cho các chất làm sạch thơm phù hợp cho các ứng dụng cho mô bệnh học và tế bào học. Không có gốc benzene, rất ít mùi. Thành phần: Hydrotreated heavy 57-63%; Naphtha, light alkylate: 37-43%. Can ≥ 5 Lít	Can	6
34	V165	Khuôn đúc bệnh phẩm mô	. Thép không rỉ. Kích thước: 30x24x5mm	Cái	20
35	V167	Lam kính	kích thước 25.4*76.2mm, độ dày 1.0-1.2mm, trong suốt, bề mặt phẳng, không mốc.	Cái	2.880
36	V169	Tấm phủ lam kính kích thước 22 x 40mm	Kích thước: 22 x 40mm. Được làm bằng thủy tinh. Được làm sạch và đánh bóng. Đồng đều về cắt, độ dày. Bề dày: 0,13 - 0,16 mm.	Cái	1.500
37	V171	Alpha Naphtol	Chai có chứa ≥ 2 ml thuốc thử dùng kết hợp cùng với môi trường (MR-VP) hoặc đĩa giấy sinh hóa (VP) để thực hiện thử nghiệm Voges – Proskauer (VP)	Lo	100
38	V172	Potassium hydroxid (KOH)	Dung dịch KOH 20%. chai ≥ 500 ml	Chai	4
39	V173	Formaldehyde	Nồng độ $\geq 36\%$. Chai/500 ml	Chai	40
40	V177	Chất thử thăm dò tính chất sinh học của vi khuẩn	Dùng thực hiện thử nghiệm coagulase bằng huyết tương thỏ đông khô để định danh Staphylococcus. Thuốc thử được chứa trong lọ thủy tinh nút cao su có đóng nắp nhôm. Thành phần của thuốc thử coagulase là huyết tương thỏ kháng đông với EDTA và được đông khô (huyết tương thỏ kháng đông với EDTA khoảng 1ml)	lo	100
41	V178	Khoanh giấy Optochin	Khoanh giấy tẩm Optochin (ethylhydrocuprein hydrochloride) để phân biệt Streptococcus pneumonia.	Khoanh	250
42	V179	Khoanh kháng sinh Amoxycillin/clavulanic acid 30 μ g	Khoanh giấy Amoxycillin/clavulanic acid nồng độ 30 μ g .	Khoanh	500
43	V180	Khoanh kháng sinh Ampicillin/Sulbactam 20 μ g	Khoanh giấy Ampicillin/Sulbactam nồng độ 20 μ g	Khoanh	500
44	V181	Khoanh kháng sinh Cefotaxime 30 μ g	Khoanh thử nghiệm kháng sinh Cefotaxime.Hàm lượng: 30 μ g.	Khoanh	500
45	V182	Khoanh kháng sinh Cefoxitin 30 μ g	Khoanh giấy Cefoxitin nồng độ 30 μ g	Khoanh	500

TT	MÃ HH	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kĩ thuật	Đơn vị tính	Tổng dự trữ
46	V183	Khoanh kháng sinh FOSFOMYCIN 200µg GLUCOSE 6 PHOSPHATE 50µg	Khoanh giấy FOSFOMYCIN 200µg GLUCOSE 6 PHOSPHATE 50µg	Khoanh	250
47	V184	Khoanh kháng sinh Gentamicin 10µg	Khoanh giấy Gentamicin nồng độ 10µg	Khoanh	750
48	V185	Khoanh kháng sinh Levofloxacin 5µg	Khoanh giấy Levofloxacin nồng độ 5µg	Khoanh	500
49	V186	Khoanh kháng sinh Oxacillin 1µg	Khoanh thử nghiệm kháng sinh Ofloxacin.Hàm lượng: 5µg	Khoanh	250
50	V187	Khoanh kháng sinh Piperacillin/tazobactam 110µg	Khoanh giấy Piperacillin/tazobactam nồng độ 110µg	Khoanh	250
51	V188	Khoanh kháng sinh Sulphamethoxazole/trimet hoprim 25µg	Khoanh giấy Sulphamethoxazole/trimethoprim nồng độ 25µg	Khoanh	250
52	V189	Methy red (MR) solution	Methyred solution 5%. Chai $\geq$ 100ml	chai	2
53	V194	Môi trường MR-VP	Lọ thủy tinh có nắp vặn chặt chứa 3ml môi trường. Dùng để thực hiện thử nghiệm Methyl red và Voges Proskauer	Hộp	20
54	V195	Môi trường nuôi cấy các loài vi sinh vật khó mọc	Đĩa thạch dùng sẵn được sử dụng để để nuôi cấy các loài vi sinh vật khó mọc, đặc biệt Neisseria spp. và Haemophilus. Thành phần bao gồm: Special peptone, Starch, Sodium chloride, Sheep blood, MultiVitox, Agar, pH: 7.3 $\pm$ 0.2 ở 25°C; có màng bọc NatureFlex (hay Cellophane)	Đĩa	100
55	V207	Thanh xác định MIC của Ceftazidime 0,016 - 256 (µg/ml)	Thanh nhựa mỏng chứa kháng sinh Ceftazidime nồng độ 0,016-256 µg/ml, đóng từng thanh riêng rẽ Quy cách: 30 thanh/ hộp	Thanh	30
56	V209	Khoanh kháng sinh Metronidazol	Khoanh giấy Metronidazole có nồng độ 5 µg dùng để kiểm tra tính nhạy cảm của vi nấm với chất kháng nấm. Mỗi khoanh đường kính 6mm được in ký hiệu ở cả 2 mặt, đặt trong cartridge, mỗi cartridge gồm 50 khoanh. 1 hộp 5 Cartridge Bảo quản: -20°C đến +8°C, trong điều kiện khô ráo.	Khoanh	500
57	V210	Khoanh kháng sinh Ciprofloxacin	Đường kính 6mm. Khoanh giấy được tẩm Ciprofloxacin có nồng độ 5 µg	Khoanh	500
58	V211	Khoanh kháng sinh Ceftazidime	Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kỹ thuật khuếch tán đĩa. Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ. Khoanh giấy được tẩm Ceftazidime có nồng độ 30 µg	Khoanh	500
59	V212	Khoanh kháng sinh ceftriaxone	Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kỹ thuật khuếch tán đĩa. - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ. - Khoanh giấy được tẩm Ceftriaxone có nồng độ 30 µg	Khoanh	500

TT	MÃ HH	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kĩ thuật	Đơn vị tính	Tổng dự trữ
60	V213	Khoanh kháng sinh imipenem	Khoanh giấy Imipenem nồng độ 10µg Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ	Khoanh	500
61	V214	Khoanh kháng sinh Amikacin	Khoanh giấy Amikacin có nồng độ 30µg Mỗi khoanh đường kính 6mm được in ký hiệu ở cả 2 mặt Bảo quản: -20°C đến +8°C, trong điều kiện khô ráo.	Khoanh	500
62	V215	Khoanh kháng sinh Meropenem	Khoanh giấy được tẩm Meropenem 10µg Mỗi khoanh đường kính 6mm được in ký hiệu ở cả 2 mặt Bảo quản: -20°C trong điều kiện khô ráo.	Khoanh	500
63	V216	Thanh định danh thủ công Enterobacteriaceae gram âm	Hệ thống xét nghiệm toàn diện nhận dạng đo màu được tiêu chuẩn hóa sử dụng 13 xét nghiệm sinh hóa thông thường và 11 xét nghiệm sử dụng carbohydrate để xác định các loài Enterobacteriaceae gram âm gây bệnh từ nước tiểu, đường ruột và các mẫu lâm sàng khác. Thành phần: Mỗi bộ chứa đủ vật liệu để thực hiện 20 test. 10 bộ phần I. 10 bộ phần II. Đĩa thuốc thử Oxidase Thuốc thử TDA dùng cho xét nghiệm Phenylalanine Deaminase. Thuốc thử Baritt A cho phép thử Voges-Proskauer. Thuốc thử Baritt B cho phép thử Voges-Proskauer. Thuốc thử Methyl Red để thử Methyl Red Thuốc thử Kovac cho Indole test Axit sunphanilic Thuốc thử N,N-Dimethyl-1-Naphthylamine Nhiệt độ ủ : 35 - 37 C. Thời gian ủ : 18 - 24 giờ. Bảo quản ở 2-8 C. Thời hạn sử dụng 12 tháng.	Hộp	6
64	V217	Sulfide Indole Motility (SIM)	Lọ thủy tinh có nắp vặn chặt chứa 3ml môi trường. Dùng để thực hiện thử nghiệm sinh hóa sinh hydrogen sulfide, sinh indol và di động. Hộp 10 lọ	Lọ	50

TT	MÃ HH	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kĩ thuật	Đơn vị tính	Tổng dự trữ
65	V218	Đĩa giấy Oxidase	Khoanh giấy Oxidase được sử dụng để phát hiện sản xuất oxidase với các vi sinh vật như Neisseria, Campylobacter, Pseudomonas... Đường kính khoanh giấy 10mm. Bảo quản ở 2 - 8° Hộp 50 khoanh	Lọ	20
66	V233	Anti A	Kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) A 500100 (1,0ml). Độ nhạy, độ đặc hiệu, độ chính xác 100%. Lọ ≥10ml	Lọ	125
67	V234	Anti AB	Kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) A-SE10, B-B-2D7(1,0ml). Độ nhạy, độ đặc hiệu, độ chính xác 100%. Lọ ≥10ml	Lọ	125
68	V235	Anti B	Kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) B 501100 (1,0ml). Độ nhạy, độ đặc hiệu, độ chính xác 100%. Lọ ≥10ml	Lọ	125
69	V239	Test nhanh chẩn đoán bệnh chân tay miệng.	Phát hiện kháng thể IgM kháng Enterovirus 71 trong mẫu huyết thanh, huyết tương người. Thể tích mẫu: 5μl huyết thanh hoặc huyết tương; Độ nhạy: ≥ 98.1% Độ đặc hiệu: 99.1%; Các thành phần hoạt chất chính: Thanh thử bao gồm: cộng hợp vàng: Kháng thể đơn dòng chuột kháng Enterovirus 71 - keo vàng ($1 \pm 0.2 \mu\text{g}$), Vạch thử: kháng thể đơn dòng chuột kháng IgM người ($4 \pm 0,8 \mu\text{g}$), Vạch chứng : kháng thể IgG dê kháng chuột ($8 \pm 1,6 \mu\text{g}$), kháng nguyên Pad: kháng nguyên Enterovirus 71 tái tổ hợp ($1,5 \pm 0,3 \mu\text{g}$) Dung môi pha loãng bao gồm: đệm phosphate 100mM (5ml), sodium azit (0.01w / v %)	Test	300
70	V243	Test nhanh chẩn đoán sốt rét Malaria	Định tính phát hiện sự có mặt của kháng nguyên kí sinh trùng sốt rét P.f / P.v trong máu toàn phần của người nhằm chẩn đoán bệnh sốt rét. Mẫu bệnh phẩm: Máu toàn phần.	Test	300
71	V250	Kít chẩn đoán viêm gan B	Phát hiện định tính kháng nguyên HBsAg trong mẫu huyết thanh, huyết tương người	Test	#####
72	V258	Que thử nước tiểu 10 thông số	Que thử nước tiểu 10 thông số được dùng cho máy phân tích nước tiểu bán tự động Clinitek Status và Clinitek Advantus. 10 thông số xét nghiệm bao gồm: bilirubin, blood (occult), glucose, ketone (acetoacetic acid), SG, leukocytes, nitrite, pH, protein, urobilinogen.	Test	#####
73	V266	Dung dịch Lugol 3%	Thành phần: Iodine 15g, Kali Iodua 30g và nước cất tinh khiết vừa đủ 500ml. Dùng trong sản phụ khoa	Chai	10
74	V267	Acid acetic	Độ tinh khiết ≥ 95%. Chai ≥ 500ml	Chai	10
75	V268	Dây garo dính	Sản phẩm được làm bằng thun, chất liệu cao su co giãn tốt, có băng gai dính 2 đầu. Đ	Cái	2.000
76	V279	Túi oxy	Chất liệu: vải bạt nylon. Dung tích ≥ 30 lít.	Cái	10

TT	MÃ HH	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kĩ thuật	Đơn vị tính	Tổng dự trữ
77	V284	Túi ép tiệt trùng dùng cho tiệt khuẩn nhiệt độ thấp Plasma dạng cuộn 75mm x 70m	Túi ép tiệt trùng dùng cho tiệt khuẩn nhiệt độ thấp Plasma. Kích thước(rộng x dài): 75mm x 70m ± 5% Chỉ thị tiếp xúc Type 1 tích hợp viền túi chuyển từ màu sau tiệt khuẩn. Giấy gồm 2 mặt: Mặt giấy: Trọng lượng ≥ 60gsm; Độ dày 155µm ± 5%; Mặt film PE/PET hoặc tương đương: Dày 64µm ± 5 µm với lớp PE dày 50µm ± 5 µm;	Cuộn	2
78	V285	Túi ép tiệt trùng dùng cho tiệt khuẩn nhiệt độ thấp Plasma cuộn 100mm x 70m	Túi ép tiệt trùng dùng cho tiệt khuẩn nhiệt độ thấp Plasma. Kích thước(rộng x dài): 100mm x 70m ± 5% Chỉ thị tiếp xúc Type 1 tích hợp viền túi chuyển từ màu sau tiệt khuẩn. Giấy gồm 2 mặt: Mặt giấy: Trọng lượng ≥ 60gsm; Độ dày 155µm ± 5%; Mặt film PE/PET hoặc tương đương: Dày 64µm ± 5 µm với lớp PE dày 50µm ± 5 µm;	Cuộn	2
79	V286	Túi ép tiệt trùng dùng cho tiệt khuẩn nhiệt độ thấp Plasma dạng cuộn 150mm x 70m	Túi ép tiệt trùng dùng cho tiệt khuẩn nhiệt độ thấp Plasma. Kích thước(rộng x dài): 150mm x 70m ± 5% Chỉ thị tiếp xúc Type 1 tích hợp viền túi chuyển từ màu sau tiệt khuẩn. Giấy gồm 2 mặt: Mặt giấy: Trọng lượng ≥ 60gsm; Độ dày 155µm ± 5%; Mặt film PE/PET hoặc tương đương: Dày 64µm ± 5 µm với lớp PE dày 50µm ± 5 µm;	Cuộn	2
80	V287	Túi ép tiệt trùng dùng cho tiệt khuẩn nhiệt độ thấp Plasma dạng cuộn 200mm x 70m	Túi ép tiệt trùng dùng cho tiệt khuẩn nhiệt độ thấp Plasma. Kích thước(rộng x dài): 200mm x 70m ± 5% Chỉ thị tiếp xúc Type 1 tích hợp viền túi chuyển từ màu sau tiệt khuẩn. Giấy gồm 2 mặt: Mặt giấy: Trọng lượng ≥ 60gsm; Độ dày 155µm ± 5%; Mặt film PE/PET hoặc tương đương: Dày 64µm ± 5 µm với lớp PE dày 50µm ± 5 µm;	Cuộn	2
81	V288	Túi ép tiệt trùng dùng cho tiệt khuẩn nhiệt độ thấp Plasmadạng cuộn 250mm x 70m	Túi ép tiệt trùng dùng cho tiệt khuẩn nhiệt độ thấp Plasma. Kích thước(rộng x dài): 250mm x 70m ± 5% Chỉ thị tiếp xúc Type 1 tích hợp viền túi chuyển từ màu sau tiệt khuẩn. Giấy gồm 2 mặt: Mặt giấy: Trọng lượng ≥ 60gsm; Độ dày 155µm ± 5%; Mặt film PE/PET hoặc tương đương: Dày 64µm ± 5 µm với lớp PE dày 50µm ± 5 µm;	Cuộn	2

TT	MÃ HH	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kĩ thuật	Đơn vị tính	Tổng dự trù
82	V289	Túi ép tiệt trùng dùng cho tiệt khuẩn nhiệt độ thấp Plasmadạng cuộn 300mm x 70m	Túi ép tiệt trùng dùng cho tiệt khuẩn nhiệt độ thấp Plasma. Kích thước(rộng x dài): 300mm x 70m ± 5% Chỉ thị tiếp xúc Type 1 tích hợp viền túi chuyển từ màu sau tiệt khuẩn. Giấy gồm 2 mặt: Mặt giấy: Trọng lượng ≥ 60gsm; Độ dày 155µm ± 5%; Mặt film PE/PET hoặc tương đương: Dày 64µm ± 5 µm với lớp PE dày 50µm ± 5 µm;	Cuộn	2
83	V293	Túi tiệt trùng dạng phồng 350 mm x 100m	Kích thước: 350mm x 100m.Gồm 2 lớp: 1 lớp giấy và 1 lớp film. . Phù hợp cho 2 loại tiệt trùng: bằng hơi nước và khí EO.	Cuộn	20
84	V297	Kim đẩy chỉ	Chất liệu: thép không rỉ. Đường kính 0,3mm, dài 33mm. Tiệt trùng	Cái	1.000
85	V312	Pipet	Chất liệu nhựa, đóng gói từng cái/bao. Dùng hút vô trùng một thể tích mầm cây hay bệnh phẩm 5ml	Cái	400
86	DC01	Ăng cút, đốt cầm máu tiết niệu	Điện cực hình vòng gấp góc 30°, dùng cho ống nội soi 30°. Kích thước của điện cực 24 Charr	Cái	15
87	DC02	Bát inox đường kính 8-10 cm	Bát inox đường kính 8-10cm	Cái	20
88	DC03	Bộ đèn đặt nội khí quản	Bóng đèn chân không sử dụng với nguồn sáng 2,7V; cho ánh sáng tốt trong vùng khám. Tay cầm làm bằng Crôm mạ kim loại. Bộ bao gồm: + Lưỡi đặt nội khí quản cong số 2: 01 Cái + Lưỡi đặt nội khí quản cong số 3: 01 Cái + Lưỡi đặt nội khí quản cong số 4: 01 Cái + Cán tay cầm: 01 cái + Hộp đựng: 01 cái Đạt tối thiểu 01 CFS được cấp bởi các nước tham chiếu theo quy định tại điều 29 Nghị định 98/2021/NĐ-CP.	Bộ	4
89	DC06	Bộ vá nhĩ	Bộ dụng cụ vá nhĩ gồm 9 chi tiết, làm bằng thép không gỉ, chiều dài mỗi chi tiết khoảng 15cm, bao gồm: Bóc tách vuông (01 cái); Dao tròn tù (01 cái); Bóc tách đầu tròn (01 cái); Kim thẳng nhọn (01 cái); Kim 45 độ (01 cái); Dao lá lúa (01); Dao tam giác (01 cái); Curret tai (01 cái); Móc vuông lấy dị vật tai (01 cái). Cam kết cung cấp CO, CQ khi giao hàng.	Bộ	1
90	DC08	Bóng đèn cực tím 120cm	Tiệt trùng, chống nấm - Triệt tiêu vi khuẩn có hại, chống loại các loại kí sinh nguy hiểm - Làm sạch không khí trong phòng (trừ bụi). Kích thước: 120cm	Cái	30
91	DC10	Bóng đèn cực tím 90 cm	Tiệt trùng, chống nấm - Triệt tiêu vi khuẩn có hại, chống loại các loại kí sinh nguy hiểm - Làm sạch không khí trong phòng (trừ bụi). Kích thước: 90cm	Cái	20

TT	MÃ HH	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kĩ thuật	Đơn vị tính	Tổng dự trù
92	DC11	Bóng đèn hồng ngoại	Màu vỏ: Đỏ. Công suất: 250W bóng dạng nắm, đuôi xoáy E27 -230-250V. Bóng phát ánh sáng Vàng Bóng phát nhiệt tối đa: 500 độ. Tiêu chuẩn chất lượng: CE	Cái	20
93	DC12	Cặp mạch máu thẳng, cong 18cm, 20cm	Làm bằng thép không gỉ hoặc tương đương, dài 18-20 cm	Cái	20
94	DC13	Chổi vệ sinh dụng cụ nội soi các cỡ	Chổi rửa dụng cụ nội soi loại nhỏ. Kích thước: ngang (đường kính) 7mm, dài 400mm, dùng cho kênh dụng cụ 4.6 -6.5. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485, EC.	Cái	30
95	DC14	Clamp thẳng	Dụng cụ thép không gỉ , dùng trong phẫu thuật	Cái	10
96	DC16	Đèn hồng ngoại	Cấu hình cung cấp: Máy chính: 01 cái Điều khiển từ xa nối dây dài 1m: 01 cái Bóng hồng ngoại: 01 chiếc Chụp đèn phản chiếu ánh sáng: 01 cái Bọc cao su bảo vệ thân đèn: 01 cái Hướng dẫn sử dụng : 01 Bộ Thông số kỹ thuật: Điện áp: 220V/60Hz/3A Công suất: 250W Thời gian: 0~60 phút Chiều cao tối đa: 1,750mm Chiều cao tối thiểu: 1,100mm Trọng lượng: 7kg	Cái	10
97	DC17	Doăng troca 10, troca 5	Nắp trocar 5,10 dùng cho máy nội soi, màu trắng bạc, chất liệu PU.	Cái	30
98	DC19	Hộp chữ nhật Inox	Hộp đựng thuốc, VTYT chống sốc. - Chất liệu inox - Dài 32cm, rộng 16cm, cao 6 cm.	Cái	20
99	DC20	Hộp đựng bông cotton	Dụng cụ được làm bằng vật liệu thép không gỉ. Sản xuất theo tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485:2016	Cái	20
100	DC21	Hộp đựng dụng cụ thay băng	Chất liệu: Inox. Kích thước: 19x8,5cm	Hộp	15
101	DC27	Kéo nội soi	Kéo phẫu tích đơn cực đầu cong có đốt điện để cắt và cầm máu sử dụng một lần. Kéo có hàm hoạt động đôi bằng thép không gỉ 303, với góc mở rộng khoảng 15° – 20°. Lưỡi dao cong 15° – 20° về bên trái để trực quan hóa đầu lưỡi dao. Vỏ ngoài cách điện và nhiệt. - Trục có chất liệu fluorinated ethylene propylene, đường kính 5mm. Lưỡi 17 mm, dài 330 mm. - Có chốt gắn đốt điện đơn cực - Tay cầm công thái học bằng nylon và glass fibre/copper, cung ngón tay lớn phía trước, có đầu xoay 360°. -Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO, CE	Cái	10

TT	MÃ HH	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kĩ thuật	Đơn vị tính	Tổng dự trù
102	DC31	Khay đựng dụng cụ 30x40	Khay đựng dụng cụ hình chữ nhật, làm bằng inox, kích thước khoảng 30cm x 40cm	Cái	20
103	DC33	Khay tiêm Inox	Khay đựng dụng cụ hình chữ nhật, làm bằng inox 304, kích thước khoảng 22cmx32cm	Cái	30
104	DC34	Khay quả đậu	Chất liệu: Khay được làm từ inox không gỉ.	Cái	30
105	DC36	Lăn bi cầm máu tiết niệu	Lăn bi cầm máu tiết niệu. Thân nhựa hoặc kim loại nhẹ, cầm tay. Phần đầu có gắn bi kim loại tròn, có thể lăn được.	Cái	2
106	DC37	Lọ cầm phanh, kéo	Trụ cầm phanh, chất liệu: inox	Cái	20
107	DC38	Máng bóng đèn cực tím	Inox, phù hợp để lắp đặt bóng đèn cực tím kích thước 90cm; 120cm	Cái	20
108	DC39	Máy điện châm	Máy chính kèm phụ kiện tiêu chuẩn: 01 bộ Nguồn điện: Bộ chuyển đổi AC/DC 220V ± 22V 50 ± 1 Hz: 01 cái 6 dây nối điện cực đầu ra 6 miếng điện cực dán 6 kẹp kim loại điện cực 1 cuộn hướng dẫn sử dụng Anh - Việt Thông số kỹ thuật : Màn hình hiển thị LCD, Máy có giao diện được Việt hóa – sử dụng tiếng Việt trên các nút chức năng Tần số xung: 1 Hz–99 Hz, với độ sai số không quá ± 20%. Độ rộng xung: 160 μs–240 μs, với độ sai số không quá ± 20%. (Hiệu suất cơ bản của thử nghiệm khả năng tương thích điện từ EMC) Số kênh xung đầu ra: sáu kênh đầu ra	Cái	30
109	DC40	Máy hút ẩm	Công suất: ≥190W. Dung tích bình chứa nước: ≥ 3.0 lít. Công suất hút ẩm: ≥ 12 lít/ngày. Phạm vi hoạt động: 10-40m²; Độ ồn: ≤ 40dB (A). Nguồn điện sử dụng: AC 220V - 50Hz	Cái	5
110	DC43	Nạng inox	Chất liệu inox, dành cho người già, người ốm, người bị tai nạn phục hồi chức năng. Chiều cao có thể thay đổi. Có cục cao su dưới chân gậy để đi êm và chống trượt	Cái	10
111	DC44	Nhiệt kế điện tử	Tính năng : Có thể đo ở miệng, nách hoặc hậu môn. Chính xác hơn tới 0,1°C, đo nhanh, sau khoảng 60 giây. Không thấm nước. Kết quả hiện 3 chữ số	Cái	24
112	DC51	Ống nghe 2 mặt	Dây nghe của ống nghe được làm từ PVC mềm không chứa nhựa cao su, có khả năng truyền âm tốt, mặt ống nghe được làm bằng kim loại không gỉ. Công nghệ lọc tạp âm giúp nâng cao chất lượng âm thanh. Có chứng nhận chất lượng	Cái	10

TT	MÃ HH	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Tổng dự trù
113	DC56	Xe đẩy dụng cụ y tế ≥ 5 ngăn kéo	Kích thước của xe: Dài 840 x Rộng 495 x Cao 960 mm. (± 5mm) - Khung xe được làm bằng thanh nhôm định hình đảm bảo độ bền chắc và thẩm mỹ, an toàn với người sử dụng. - Mặt xe được làm bằng nhựa, C lan can bằng inox $\varnothing 12.7$ cao 70mm. - Ngăn kéo được làm bằng thép sơn tĩnh điện, bên trong có gắn các thanh chia khay lớn thành nhiều khay nhỏ. - Xe gồm 5 ngăn kéo (02 ngăn nhỏ, 02 ngăn trung và 01 ngăn lớn). - Hộp nhựa đựng kim tiêm để huỷ: 02 cái - Thùng nhựa đựng rác thải y tế : 02 cái - Kệ để máy khử trùng rung tim hoặc monitor: 01 cái - Khay đựng hồ sơ : 01 cái - Cọc truyền 4 đầu móc: 01 cái - Móc để giữ bình oxy : 01 cái - Xe có 04 bánh xe cao cấp (02 bánh có phanh)	Xe	5
114	DC57	Xe lăn	Khung hợp kim nhôm Chỗ ngồi bằng vải thoáng mát Có thắng tay cho người đẩy. Có thể gấp gọn. Khung sơn mạ Crom sang trọng. Có đai ôm giữ bệnh nhân ngang bụng Có tựa lưng và gác chân tăng độ thoải mái.	Cái	10
115	DC61	Xe tiêm 3 tầng có ngăn kéo	Đặc tính kỹ thuật: Kích thước (mm): (DxRx C) 840x540x1150 mm $\pm 5\%$ Bàn có 3 tầng khay, các tầng đều có thanh lan can inox ống 3 phía cao 50 ± 5mm (trông phía trước). - Khay, mặt bàn bằng inox tấm được dập liền tấm, khay hàn liền với khung xe chắc chắn. Chân khay được xử lý ép mép. - Khung chính tay đẩy bằng inox đường kính ≥ 25.4 mm. Lan can làm bằng inox ống đường kính $\geq 12,7$mm. - Bàn có 02 ngăn kéo có tay nắm, ở dưới khay trên cùng. - Có 4 bánh xe đường kính ≥ 100 mm, có 2 bánh có phanh. 3. Vật liệu: Toàn bộ làm bằng inox SUS 201 Bánh xe: cao su đặc. Toàn bộ bề mặt inox được xử lý bề mặt đạt độ sáng bóng.	Cái	4